



Original Article

Developing a Professional Learning Community
for Pre-service Teachers Majoring in "History Education",
"History and Geography Education" through Vocational
Training at the University of Education,
Vietnam National University, Hanoi

Doan Nguyet Linh*, Tran Thi Hoai Thu

VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 12nd May 2024

Revised 02nd August 2024; Accepted 27th August 2024

Abstract: The field of teacher professional development has been extensively researched, while pre - service teacher professional development has received little attention. This article focuses on creating a professional learning community for “History Education”, “History and Geography Education” students. Pre - service teachers are individuals who have not yet officially entered the profession; they serve as the high school reserve team and the "future generation" of the education industry. As a result, focusing on developing professional knowledge and competence for them is seen as one of the most pressing challenges, particularly in light of the constant changes in education that necessitate prompt adaptation and adjustment by teachers. The solution that we propose is to create professional learning communities for pre - service teachers through vocational training programs at universities. We perceive that the recommended approaches can have produced positive results in terms of boosting their understanding and professional training.

Keywords: Learning community, professional development, professional competence, vocational training, lesson study, pre-service teachers.

* Corresponding author.

E-mail address: linhdn@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4932>

Phát triển Cộng đồng học tập chuyên môn cho sinh viên “*Sư phạm lịch sử*”, “*Sư phạm lịch sử và Địa lý*” thông qua hoạt động rèn nghề tại Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

Đoàn Nguyệt Linh*, Trần Thị Hoài Thu

*Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 12 tháng 5 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 02 tháng 8 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 27 tháng 8 năm 2024

Tóm tắt: Vấn đề phát triển chuyên môn cho giáo viên đã được nhắc đến nhiều trong các nghiên cứu, tuy nhiên phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm thì ít được đề cập đến. Trong nghiên cứu này chúng tôi tập trung vào phát triển cộng đồng học tập cho sinh viên “*Sư phạm lịch sử*”, “*Sư phạm lịch sử và Địa lý*”. Đối tượng sinh viên sư phạm được coi là những đối tượng chưa làm nghề chính thức, họ là đội ngũ dự bị cho các trường phổ thông, là “*thế hệ tương lai*” của ngành giáo dục. Do vậy, tập trung vào phát triển kiến thức chuyên môn và năng lực nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm được coi là một trong những nhiệm vụ cấp bách, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục liên tục có những thay đổi, đòi hỏi sự thích ứng và điều chỉnh kịp thời của giáo viên. Biện pháp chúng tôi đề xuất là hình thành và phát triển các cộng đồng học tập chuyên nghiệp cho sinh viên thông qua hoạt động rèn nghề tại trường đại học. Chúng tôi nhận thấy các biện pháp được đề xuất có thể tạo nên những tín hiệu tích cực trong việc nâng cao kiến thức và bồi dưỡng nghiệp vụ cho sinh viên.

Từ khóa: Cộng đồng học tập, phát triển chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, rèn nghề, nghiên cứu bài học.

1. Mở đầu

Chúng ta nghe nhiều đến các cụm từ “*phát triển chuyên môn cho giáo viên*”, “*tập huấn chuyên môn cho giáo viên*”, nhưng ít bắt gặp các cụm từ liên quan đến “*bồi dưỡng chuyên môn cho sinh viên sư phạm*”, “*phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm*”. Đối tượng sinh viên sư phạm có thể được coi là những đối tượng chưa làm nghề chính thức, họ là đội ngũ dự bị cho các trường phổ thông, là “*thế hệ tương lai*” của ngành giáo dục. Do

vậy, tập trung vào phát triển kiến thức chuyên môn và năng lực nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm được coi là một trong những nhiệm vụ cấp bách, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục liên tục có những thay đổi, đòi hỏi sự thích ứng và điều chỉnh kịp thời của giáo viên (D. N. Linh, P. T. T. Hải, 2022) [1]. Phát triển chuyên môn cho giáo viên, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên luôn được các nhà giáo dục, các nhà nghiên cứu tìm tòi và phát triển các mô hình, phương pháp nhằm cải thiện năng lực của giáo viên, từ đó nâng cao hiệu quả học tập và giáo dục người học. Quay trở lại với đối tượng sinh viên sư phạm, việc trau dồi kiến thức và phát triển kỹ năng cho họ chủ

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: linhdn@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4932>

yếu thông qua các học phần về phương pháp giảng dạy hay hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm. Các hình thức cung cấp kiến thức từ cơ bản và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm này không mang tính lâu dài, tức là một học phần chỉ kéo dài từ 2 đến 4 tháng. Các nhóm hay tổ chức được thành lập nhằm giúp đỡ sinh viên sư phạm rèn luyện trong một môi trường chuyên nghiệp, mang tính thường xuyên và liên tục ra đời, gọi là Cộng đồng học tập chuyên môn (CĐHTCM).

Cộng đồng học tập chuyên môn ra đời lần đầu tiên ở Mỹ vào năm 1980, nó phá vỡ quy tắc truyền thống về việc các giáo viên giảng dạy độc lập tại lớp học chuyên biệt về bộ môn của mình. Cộng đồng học tập chuyên môn ra đời, đánh dấu mốc trong việc phá bỏ rào cản giữa các giáo viên tại các lớp học độc lập, giúp họ tận dụng tối đa các sự hỗ trợ cả bên trong và bên ngoài các điều kiện của nhà trường, đồng nghiệp và xã hội. Hord (1997) [2] định nghĩa Cộng đồng học tập chuyên môn là các giáo viên chuyên nghiệp cùng nhau học tập để hướng nỗ lực của họ vào việc cải thiện việc học tập của học sinh và có năm khía cạnh liên quan phản ánh bản chất của Cộng đồng học tập chuyên môn bao gồm sự lãnh đạo, sự chia sẻ và hỗ trợ, tầm nhìn và giá trị chung, các điều kiện hỗ trợ (các mối quan hệ và cơ cấu tập thể) và thực hành cá nhân. Mô hình Cộng đồng học tập chuyên môn là một cách đảm bảo rằng các giáo viên có cơ hội được học hỏi các kiến thức mới một cách thụ động và chủ động từ các đồng nghiệp. Như Resnick (2010) [3] nhấn mạnh, thói quen hợp tác giữa các giáo viên là một phần quan trọng trong việc đảm bảo kết quả học tập của học sinh được cải thiện. Những thói quen hợp tác này đã được mô tả theo nhiều cách khác nhau nhưng được mô tả tốt nhất là “Mạng lưới học tập” hoặc “cộng đồng học tập chuyên nghiệp” (Stoll và các cộng sự 2007) [4]. Trong bài viết này, chúng tôi định nghĩa các Cộng đồng học tập chuyên môn theo đặc điểm và tính hiệu quả của Cộng đồng học tập chuyên môn

trong việc cải tiến chất lượng bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho các sinh viên sư phạm trong môi trường giáo dục đại học. Các tiếp cận này xem cộng đồng học tập chuyên nghiệp như một phương pháp phát triển “giáo viên dự bị” mạnh mẽ và một chiến lược hiệu quả để cải thiện trường học và hệ thống giáo dục đại học chuyên ngành sư phạm (Harris và Chrispeels, 2008) [5]. Ý tưởng về một cộng đồng học tập chuyên nghiệp dựa trên kiến thức và kinh nghiệm đã thu được qua nhiều năm từ việc khuyến khích giáo viên làm việc cùng nhau một cách hợp tác hơn (Louis và Kruse, 1995) [6]. Nhiều tài liệu đã đề cập đến việc các tổ chức hay cộng đồng làm việc chuyên biệt đem lại hiệu quả cao hơn khi các giáo viên tiếp cận, lưu thông và phân phối kiến thức để cải tiến và nâng cấp liên tục kỹ năng của bản thân (Leithwood và cộng sự, 1997) [7].

Cộng đồng học tập chuyên môn đóng một vai trò quan trọng trong các nhà trường khi hỗ trợ giáo viên có được một tổ chức làm việc chuyên nghiệp, được tạo lập và đóng góp các cơ hội được học tập, trao đổi cũng như rèn luyện chuyên môn liên tục và vững bền. Đối với các sinh viên sư phạm, Cộng đồng học tập chuyên môn là phép thử giúp sinh viên làm quen với các hình thức sinh hoạt chuyên môn cả truyền thống lẫn hiện đại ở một mức độ cao hơn và chuyên nghiệp hơn. Cộng đồng học tập chuyên môn khác các tổ sinh hoạt chuyên môn ở các trường trung học phổ thông ở chỗ cộng đồng mang tính chất học thuật và nghiên cứu hơn, các hoạt động như nghiên cứu bài học, tập giảng từ cá nhân đến nhóm và tạo lập hồ sơ giảng dạy đều chặt chẽ và quy củ hơn (L. P. Thúy, N. D. Nguyễn, T. D. Minh, 2023) [8]. Các hoạt động này đều có ý nghĩa rất lớn với sinh viên sư phạm, được coi là giai đoạn tích lũy để giúp sinh viên có đầy đủ kiến thức, kỹ năng thậm chí là hồ sơ giảng dạy mang bản sắc cá nhân riêng để tạo ấn tượng với các nhà tuyển dụng trong tương lai.

Như vậy việc nghiên cứu về phát triển cộng đồng học tập cho sinh viên sư phạm đóng vai trò rất quan trọng trong việc rèn luyện và hình thành cho sinh viên những thói quen trong sinh

hoạt và chia sẻ chuyên môn. Trong nghiên cứu này chúng tôi tập trung vào việc hình thành và phát triển Cộng đồng học tập chuyên môn cho sinh viên chuyên ngành “*Sư phạm lịch sử*”, “*Sư phạm lịch sử và Địa lý*” thông qua các hoạt động thực tập sư phạm rèn nghề tại trường đại học.

2. Tổng quan nghiên cứu

Hoạt động thực tập sư phạm và rèn nghề tại Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Hoạt động thực tập sư phạm và rèn nghề (TTSP và RN) được coi là các học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân của Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội. Mục đích của hoạt động này nhằm hỗ trợ sinh viên thực hành và rèn luyện các kiến thức và kỹ năng cá nhân xã hội, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm và tham gia vào môi trường giáo dục thực tiễn tại các trường phổ thông. Phương thức tổ chức chính của học phần này là thông qua quá trình học của sinh viên tại trường, các hoạt động trải nghiệm thực tế, các dự án dạy và học do sinh viên tự thiết kế và tổ chức thực hiện. Do đặc điểm phương thức tổ chức đa dạng, sinh viên có cơ hội được phát triển đa dạng các kỹ năng nghề nghiệp sư phạm cùng các kỹ năng xã hội, kỹ năng ứng xử, kỹ năng giải quyết vấn đề. Chính sự đa dạng này đã làm tăng các kiến thức không chỉ chuyên môn mà còn hệ thống các kiến thức xã hội chung bao gồm kiến thức về tâm lý học, nhân học, xã hội học và giáo dục học của sinh viên. Các kiến thức và kỹ năng này được tích lũy song song với quá trình thực tập sư phạm của sinh viên.

Tại Trường Đại học Giáo dục, sinh viên sẽ bắt đầu thực tập sư phạm và rèn nghề từ học kì 1 năm thứ 2. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu này, sinh viên sẽ chỉ xây dựng kế hoạch rèn nghề cá nhân theo chuẩn đầu ra của học phần. Đối với quá trình học tập các học phần tại trường, sinh viên rèn luyện các kỹ năng thuộc nhóm KPI (chỉ tiêu) kỹ năng nghiệp vụ sư phạm - giảng dạy, nhóm KPI kỹ năng cá nhân - xã hội, còn kỹ năng thuộc nhóm thực tập sư

phạm và rèn nghề sẽ được thực hành tại các trường phổ thông. Các hoạt động được thiết kế theo trình tự từ quan sát đến thực hành, từ đơn giản đến phức tạp, từ thực tập trực tiếp tại các trường phổ thông cho đến không gian số trực tuyến. Các hoạt động cũng phải đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ giữa giữa nhiệm vụ của giáo sinh với các học phần liên quan khác trong chương trình học. Việc thực tập sư phạm và rèn nghề sẽ được tiến hành song song với các hoạt động học tập khác, không tách thành một giai đoạn độc lập riêng. Bởi lẽ, rèn nghề là một quá trình tích lũy liên tục và thường xuyên, do đó việc học chuyên môn tại trường và thực hành tại các trường phổ thông đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực nghề nghiệp của sinh viên sư phạm trong tương lai. Giai đoạn tiếp theo, học kì 1 và học kì 2 năm thứ 4, sinh viên được chính thức tham gia thực tập tại các trường trung học phổ thông với vai trò là giáo sinh, đảm nhiệm công tác giảng dạy và giáo dục học sinh theo hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn tại lớp.

Ở các trường phổ thông, các ứng viên giáo viên được thực hiện đa dạng các hoạt động thực hành và rèn nghề, phân chia thành hoạt động giảng dạy và hoạt động giáo dục (T. Q. Lập, L. Kevin, 2010) [9]. Ở giai đoạn học kì 1 của năm thứ 4, hoạt động đầu tiên sinh viên cần làm là xây dựng kế hoạch thực tập sư phạm và rèn nghề (giáo dục và giảng dạy) theo từng đợt, thường là 2 buổi/tuần, có hướng dẫn và duyệt kế hoạch của giảng viên và giáo viên. Hoạt động thứ hai là dự giờ và quan sát. Mỗi tiết dự giờ và quan sát, giáo sinh cần chuẩn bị giáo án dự giờ và phiếu dự giờ. Đối với sinh viên sư phạm ngành “*Sư phạm Lịch sử*”, “*Sư phạm Lịch sử và Địa lý*” cần tối đa 01 tiết/học kì. Hoạt động thứ ba là thiết kế, tổ chức và thực hành giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực đặc thù và năng lực chung cho học sinh với hình thức giảng dạy và mỗi giáo sinh cần thực hiện tối đa 01 giáo án. Ngoài ra, sinh viên “*Sư phạm Lịch sử*”, “*Sư phạm Lịch sử và Địa lý*” còn được thực hiện nhiệm vụ đánh giá thường xuyên năng lực của học sinh. Mức độ thực hành ngày càng được nâng cao và phức tạp hơn ở kì thực tập sư phạm sau, tại học kì 2 năm

thứ 4. Tại học kì này, sinh hoả sẽ sinh hoạt tại trường trung học phổ thông tối đa 6 buổi/tuần và làm việc liên tục trong vòng 12 tuần. Các hoạt động giảng dạy vẫn như tại học kì 1 năm 4 nhưng với yêu cầu cao hơn như thiết kế, tổ chức trực tiếp 6 giáo án đối với sinh viên ngành “*Sư phạm Lịch sử*”, “*Sư phạm Lịch sử và Địa lý*”. Trong đó, thực hiện 01 video giảng dạy trong vòng 45 phút, thể hiện được sự phối hợp hiệu quả giữa kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết bảng, kỹ năng phối kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực, đặc trưng; kỹ năng tương tác, phản hồi với học sinh nhằm phát triển năng lực đặc thù và năng lực chung cho học sinh. Ngoài ra, sinh viên sư phạm còn được trực tiếp tham gia vào các hoạt động giáo dục học sinh ngay trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm theo quy định. Tại cả 2 học kì, giáo sinh đều được yêu cầu xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh theo từng đợt và có đánh giá, kiểm duyệt của người hướng dẫn. Các hoạt động giáo dục vô cùng phong phú, thực hiện đồng hành và song song với các hoạt động ngoại khoá theo lịch công tác tại trường phổ thông. Giáo sinh được tham gia và hỗ trợ học sinh trong các hoạt động thiện nguyện, sinh hoạt ngoại khoá theo chủ đề các ngày lễ lớn, các tiết thể dục thể chất, tham gia và tổ chức các cuộc thi,... Bên cạnh việc tham gia dự giờ, quan sát các tiết học giáo dục, sinh viên sư phạm cũng cần được đánh giá khả năng thiết kế, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh, trong đó bao gồm ít nhất 01 hoạt động tập thể, 01 hoạt động Đoàn thanh niên, 01 hoạt động kỉ niệm ngày lễ, các tiết hoạt động giáo dục theo chủ đề của giáo viên chủ nhiệm. Ngoài ra, sinh viên cũng cần thực hiện 01 video tổ chức hoạt động giáo dục trong vòng 45 phút, thể hiện được sự phối kết hợp các phương pháp giáo dục, kỹ năng tương tác với học sinh và đạt được mục tiêu. Một trong những hoạt động yêu cầu chuyên môn cao ở sinh viên sư phạm hiện nay chính là tham gia tham vấn và hỗ trợ học sinh xây dựng hồ sơ cá nhân bao gồm xây dựng kế hoạch định hướng nghề nghiệp và học tập tiếp theo. Sau khi kết thúc kì thực tập sư phạm và rèn nghề, các sinh viên sẽ được tính điểm dựa trên từng nhóm KPI trên thang điểm 10 theo quy định. Mỗi sinh viên cần hoàn thiện tất cả

các hồ sơ bao gồm kế hoạch, giáo án và video thành minh chứng cho các KPI của đợt thực tập sư phạm và rèn nghề.

Nhìn chung, kế hoạch và hướng dẫn thực tập sư phạm và rèn nghề tại Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội được tổ chức và triển khai tương đối chặt chẽ và thống nhất. Không chỉ có sinh viên tham gia thực tập sư phạm và rèn nghề, ban giám hiệu và giảng viên các khoa cũng đóng vai trò nòng cốt trong việc kết nối sinh viên với giáo viên hướng dẫn, kiểm duyệt các kế hoạch thực tập sư phạm của sinh viên, định hướng giúp sinh viên thực hiện tốt nhiệm vụ.

3. Phương pháp nghiên cứu “*Sư phạm Lịch sử*” và “*Sư phạm Lịch sử và Địa lý*”

3.1. Mô hình quan sát và dự giờ các lớp học

Mục tiêu: hoạt động quan sát, dự giờ nhằm giúp sinh viên sư phạm trong Cộng đồng học tập chuyên môn rèn luyện nghề nghiệp trong sự tương tác, đánh giá và nhận phản hồi với đồng nghiệp. Trên cơ sở hoạt động quan sát, dự giờ, sinh viên tích lũy các kinh nghiệm, cải tiến chất lượng giảng dạy và phát triển khả năng đánh giá giờ học của bản thân và đồng nghiệp.

Nội dung: thông qua hoạt động rèn nghề của sinh viên ở các trường phổ thông, các viên trong Cộng đồng học tập chuyên môn kết hợp dự giờ, quan sát trong các giờ dạy thực tế và giờ dạy mô phỏng của đồng nghiệp. Các tiết học có dự giờ của các thành viên cần sử dụng các giáo án dự giờ, các phiếu dự giờ, trang thiết bị ghi hình và ghi nhận phản hồi. Người dự giờ chú trọng kỹ thuật quan sát, ghi chép và ghi hình để lưu trữ tư liệu phục vụ đánh giá nhận xét và phản hồi.

Các thức tiến hành:

- Bước 1: thiết lập nhóm dự giờ và lịch dự giờ lớp học

+ Các sinh viên trong Cộng đồng học tập chuyên môn chia thành các nhóm nhỏ từ 3-4 thành viên. Các thành viên trong nhóm nhỏ và giữa các nhóm sắp xếp lịch dự giờ theo tuần. Lịch dự giờ dựa trên lịch giảng dạy các tiết học của thành viên tại các nhà trường phổ thông trong quá trình thực tập sư phạm hoặc các

nhóm nhỏ chủ động tổ chức thực hành giảng dạy và dự giờ lẫn nhau.

+ Các thành viên trong nhóm chủ động cập nhật lịch giảng dạy trong thời gian rèn nghề ở các trường phổ thông và đăng ký dự giờ. Các thành viên quan sát, dự giờ các thành viên trong nhóm, dự giờ giáo viên hướng dẫn cần có sự đồng ý và sắp xếp lịch trước với người giảng dạy tiết học hôm đó. Sinh viên quan sát, dự giờ và được nhận phản hồi, đánh giá từ các thành viên và giáo viên hướng dẫn ít nhất 02 tiết/tuần.

- Bước 2: chuẩn bị giáo án và phiếu dự giờ

+ Giáo án dự giờ cần được soạn trước ít nhất 1 tuần và có sự đánh giá, nhận xét của giáo viên hướng dẫn.

+ Phiếu dự giờ nên có sự thống nhất chung một biểu mẫu của nhóm hoặc của cả Cộng đồng học tập chuyên môn để nội dung đánh giá, phản hồi được nhất quán và khoa học. Phiếu dự giờ cần phải có các tiêu chí rõ ràng, thể hiện được những ghi chép cụ thể của người quan sát về cử chỉ, hành vi của người dạy và học sinh, nội dung kiến thức được giảng dạy, các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy sử dụng trong lớp học,...

- Bước 3: tiến hành quan sát, dự giờ

+ Nguyên tắc khi quan sát, dự giờ:

Người dự giờ và người giảng dạy tôn trọng giáo án cá nhân của nhau, không bình luận, nhận xét tiêu cực với thái độ chỉ trích, chê bai kế hoạch giảng dạy của nhau.

Hai bên tạo môi trường thân thiện, thoải mái dựa trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ và chia sẻ với nhau.

+ Trong quá trình quan sát, dự giờ:

Vị trí quan sát của người dự: nên ngồi hoặc đứng ở vị trí có thể quan sát học sinh một cách tốt nhất, tránh di chuyển nhiều hoặc làm ồn ảnh hưởng đến lớp học như hai bên hoặc phía cuối lớp học hoặc vẽ sơ đồ lớp học trước nhằm đảm bảo có thể nắm bắt được tất cả nét mặt, cử chỉ và hành vi của học sinh và người dạy.

Quan sát học sinh và nguy ngầm: tập trung quan sát biểu hiện của học sinh theo từng giai đoạn trước, trong và sau tiết học.

i) Thái độ của học sinh khi tham gia học thể hiện qua nét mặt, hành vi: thích thú hay buồn chán, tích cực hay không hứng thú, chán nản, uể oải hay hào hứng,...

ii) Khả năng thực hiện các nhiệm vụ học tập của học sinh (nhiệm vụ có phù hợp với khả năng của học sinh hay không? Học sinh có bắt kịp tốc độ giảng của giáo viên hay không? Học sinh có hiểu được bài giảng của giáo viên hay không?);

iii) Hoạt động nào trong bài giảng mà học sinh hứng thú nhất hoặc ít hứng thú nhất? Phỏng đoán lí do?

iv) Các hoạt động, lời nói và hành vi nào của giáo viên cuốn hút và kích thích học sinh?

v) Những học sinh nào không tham gia hoặc chưa tham gia vào bài giảng và các nhiệm vụ học tập của giáo viên?

vi) Chú ý vào những học sinh đặc biệt tích cực vào bài học và những học sinh hoàn toàn không tham gia vào bài học.

vii) Tập trung quan sát học sinh khi tham gia thực hiện các nhiệm vụ học tập theo nhóm và cá nhân: thời gian giáo viên giao có đủ cho học sinh thực hiện nhiệm vụ hay không? Có bao nhiêu học sinh thực sự tham gia vào các nhiệm vụ? Có những học sinh nào không tham gia vào nhiệm vụ? Phỏng đoán lí do? Trong trường hợp đó, chúng ta có thể làm gì để học sinh đó hứng thú và tham gia vào các nhiệm vụ một cách hiệu quả và có ý nghĩa?

viii) Giáo viên có biết cách khai thác hết các nội dung kiến thức trọng tâm trong bài học hay không? Nội dung nào bị thừa, nội dung nào bị thiếu?

ix) Giáo viên có biết cách mở rộng và liên hệ các kiến thức liên quan mà phù hợp và cần thiết với học sinh hay không?

x) Giáo viên phát huy được những kỹ năng sư phạm nào? Khắc phục được những kỹ năng nào còn thiếu sót?

xi) Giáo viên hình thành và phát triển được những kỹ năng mới nào trong từng nội dung bài dạy?

Ghi chép phiếu quan sát: người dự giờ sử dụng mẫu phiếu dự giờ để ghi chép nhanh các thông tin trong biểu mẫu một cách ngắn gọn, đúng trọng tâm và dễ dàng đối chiếu thông tin

cũng như đưa ra nhận xét, đánh giá sau này. Đảm bảo khi ghi chép một cách xác thực, không mang tính chủ quan và thể hiện được tinh thần xây dựng, đóng góp ý kiến nhằm giúp người giảng dạy cải thiện giáo án và kỹ năng sư phạm.

- Bước 4: đánh giá, phản hồi

+ Nhóm nhỏ tổ chức một buổi nhận xét, đánh giá và ghi nhận phản hồi (có thể trực tiếp hoặc qua các phần mềm hỗ trợ cuộc họp trực tuyến như Zoom, Teams, Google Meets).

+ Cuộc họp đánh giá, nhận xét cần có mặt đầy đủ của người dự giờ, người giảng dạy hoặc có thể có thêm giáo viên hướng dẫn hoặc các thành viên khác đã thực hiện giảng dạy tiết học hoặc đã soạn kế hoạch bài dạy của tiết học đó.

+ Người dự giờ tiến hành nhận xét các yếu tố liên quan đến tiết học bao gồm người dạy, học sinh, cơ sở vật chất, trang thiết bị, hiệu quả của bài học và hiệu suất tham gia của học sinh.

+ Người giảng dạy thực hiện ghi chép lại các ý kiến, đưa ra những phản hồi về các ý kiến đóng góp của các thành viên: ý kiến nào phù hợp với bài dạy? Ý kiến nào chưa phù hợp? Dự định điều chỉnh những nội dung nào? Những nội dung nào cần được bổ sung thêm?

- Bước 5: cải tiến giáo án giảng dạy

+ Dựa trên những góp ý, nhận xét của các thành viên dự giờ, người thực hiện giảng dạy xem xét các ý kiến phù hợp và tiến hành cải tiến kế hoạch bài giảng theo dự định. Các cải tiến cần tập trung vào việc cải thiện chất lượng học tập của học sinh và không cải tiến quá mức nhằm vượt ra khỏi phạm vi bài học.

+ Tiến hành lưu hoặc ghi lại nhật ký cải tiến nhằm chọn ra những phiên bản kế hoạch giảng dạy phù hợp nhất với từng giai đoạn giảng dạy.

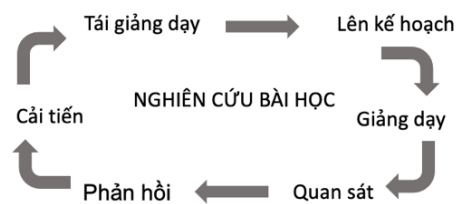
3.2. Mô hình hướng dẫn tập giảng

* *Mục tiêu*: tập giảng và mô phỏng giờ dạy thực tế hướng tới rèn luyện cho sinh viên làm quen với việc tổ chức lớp học và triển khai bài học - một trong những nhiệm vụ trọng tâm của giáo viên. Biện pháp giúp sinh viên được rèn nghề một cách bài bản và rèn luyện các kỹ năng sư phạm trong môi trường thực tế với các hình thức phong phú và đa dạng.

* *Nội dung*: hoạt động tập giảng và mô phỏng giờ giảng thể hiện hầu hết các kỹ năng sư phạm của sinh viên và là cơ hội để sinh viên được rèn luyện thực tế. Tập giảng và mô phỏng giờ dạy có hai hình thức là giảng dạy trực tiếp ở lớp và giảng dạy trực tuyến trên các phần mềm hỗ trợ. Tập giảng và mô phỏng giờ dạy thực tế bao gồm các nội dung về tạo lập kế hoạch giảng dạy, tổ chức và quản lý lớp học, xử lý tình huống, thuyết trình và trình bày bảng và sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ giảng dạy.

* *Cách thức thực hiện*:

Chúng tôi đề xuất sử dụng mô hình Nghiên cứu bài học (NCBH) vào trong biện pháp này bởi đây là một mô hình nhằm hỗ trợ đào tạo giáo viên cũng như phát triển chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho sinh viên sư phạm. Hơn thế nữa, Nghiên cứu bài học đề cao tinh thần làm việc cộng tác, hỗ trợ và chia sẻ với nhau giữa các sinh viên trong Cộng đồng học tập chuyên môn. Mô hình này đòi hỏi phải có một Cộng đồng học tập chuyên môn đủ lớn để các thành viên có một mạng lưới cùng tập trung phân tích các vấn đề liên quan đến bài học và học sinh. Hơn nữa, các thành viên trong quá trình Nghiên cứu bài học có cơ hội được học hỏi lẫn nhau thông qua các hoạt động cùng nhau xây dựng kế hoạch giảng dạy, phân tích tình huống, chia sẻ tư liệu, tổ chức lớp học và triển khai bài giảng theo hướng hợp tác và cộng tác,...



Hình 1. Mô hình nghiên cứu bài học trong Cộng đồng học tập chuyên môn.

- Bước 1: thiết lập các nhóm nhỏ trong Cộng đồng học tập chuyên môn (mỗi nhóm nhỏ từ 3-4 thành viên).

i) Tiêu chí phân chia các nhóm nhỏ trong cộng đồng học tập: các nhóm dựa trên nhu cầu học tập của từng cá nhân, các nhóm dựa trên thời gian biểu giảng dạy theo tiến trình bài học,

các nhóm được phân công giảng dạy bài học cụ thể, các nhóm theo chuyên đề học tập,...

ii) Các nhóm nhỏ trong Cộng đồng học tập chuyên môn sẽ hoạt động và làm việc tối đa 28 giờ/tuần và chia nhỏ các quỹ thời gian trong 1 ngày để trao đổi và Nghiên cứu bài học trong tuần.

- Bước 2: đăng kí lịch tập giảng

i) Các sinh viên dựa vào lịch thực tập sư phạm của từng thành viên để đăng kí, sắp xếp lịch tập giảng giữa các thành viên trong Cộng đồng học tập chuyên môn. Mỗi buổi tập giảng ít nhất phải giảng được từ 02 đến 03 nội dung trong 01 bài học cụ thể, phải có từ 02 thành viên cùng nhóm trở lên tham gia quan sát, dự giờ và góp ý;

ii) Khuyến khích các sinh viên trong 1 nhóm nhỏ được tập giảng ít nhất 1 tuần 2 lần.

- Bước 3: chuẩn bị và thiết kế kế hoạch bài học minh họa.

i) Các thành viên trong nhóm thống nhất lựa chọn bài học minh họa. Bài học cần bám sát chương trình giảng dạy ở các trường THPT, theo lịch TTSP của các thành viên và đặc biệt phù hợp với nhu cầu nâng cao, bổ sung kiến thức và rèn luyện được các kỹ năng sư phạm đang còn thiếu sót của các thành viên;

ii) Sinh viên có lịch tập giảng cần chuẩn bị nghiên cứu chương trình môn học, kế hoạch giảng dạy môn học, sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy liên quan, phối hợp với các thành viên trong nhóm để xây dựng kế hoạch bài học minh họa;

iii) Việc thiết kế kế hoạch bài học minh họa cần đảm bảo xác định rõ yêu cầu cần đạt của bài học. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt của bài học mà sinh viên tập giảng chủ động, linh hoạt điều chỉnh nội dung, thời lượng, phương pháp và kỹ thuật giảng dạy, tiêu chí đánh giá,... sao cho phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện giảng dạy;

iv) Lưu ý: trước khi tập giảng sinh viên không cần luyện tập trước.

- Bước 4: tiến hành tập giảng và mô phỏng giờ dạy thực tế.

Trong quá trình tập giảng, chúng tôi đề xuất cho sinh viên thực hiện theo 02 kỹ thuật giảng dạy là Giảng dạy trích đoạn (Micro teaching) và Giảng

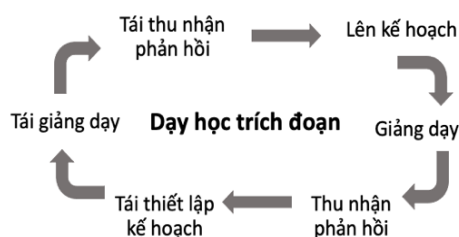
dạy theo nhóm (Co - teaching). Đây là 2 kỹ thuật đào tạo giáo viên tiến bộ và hiện đại hiện nay.

i) Đối với kỹ thuật Giảng dạy trích đoạn;

ii) Trọng tâm của kỹ thuật này là sinh viên sẽ chia nhỏ các nội dung của một bài học cụ thể, mỗi nội dung giảng dạy sẽ được thiết kế nhằm phát triển 01 kỹ năng sư phạm cụ thể của sinh viên. Sinh viên cần tập trung vào các kỹ năng cơ bản của người giáo viên trong lớp học như kỹ năng truyền tải thông tin cho học sinh, kỹ năng viết bảng, kỹ năng định hướng cho học sinh, kỹ năng quản lí lớp học, kỹ năng triển khai và tổ chức bài học, kỹ năng đặt câu hỏi cho học sinh và kỹ năng thiết kế nhiệm vụ cho học sinh;

iii) Để rèn luyện được các kỹ năng sư phạm cơ bản này, sinh viên trong quá trình tập giảng cần khéo léo đưa các kỹ năng mình còn thiếu sót vào các nội dung giảng dạy một cách hợp lý và linh hoạt. Không đưa cùng lúc nhiều kĩ năng cần luyện tập vào 01 nội dung giảng dạy. Điều này khiến cho sinh viên bị choáng ngợp và không thể tập trung vào bài học. Mỗi nội dung giảng dạy chỉ nên đưa tối đa là 02 kỹ năng để luyện tập trong quá trình tập giảng;

iv) Trong quá trình tập giảng, người quan sát, dự giờ cần có bảng tiêu chí để đánh giá, nhận xét mức độ thể hiện các kỹ năng sư phạm của người giảng dạy minh họa;



Hình 2. Triển khai kỹ thuật giảng dạy trích đoạn trong Cộng đồng học tập chuyên môn.

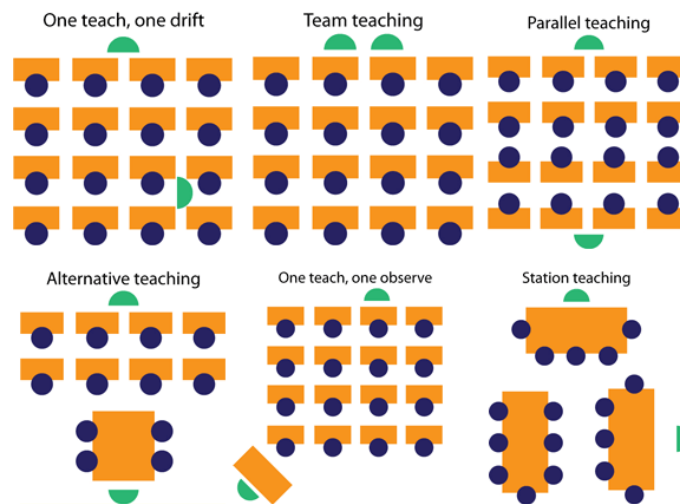
v) Đối với kỹ thuật Giảng dạy theo nhóm;

vi) Trọng tâm của kỹ thuật này là trong một buổi tập giảng, các sinh viên trong nhóm kết hợp với nhau để cùng nhau triển khai, tổ chức bài học. Giảng dạy theo nhóm là sự phân công lao động giữa các sinh viên để lập kế hoạch, tổ chức, hướng dẫn và đánh giá trên cùng một

nhóm học sinh, thường là trong một lớp học chung và thường tập trung mạnh việc giảng dạy đó với tư cách là một nhóm bổ sung cho nhau những kỹ năng cụ thể hoặc những điểm mạnh khác nhau. Các sinh viên cũng có thể được yêu cầu cùng tập giảng với các giáo viên hướng dẫn ở trường phổ thông trong cùng một tiết học. Giảng dạy theo nhóm là một biện pháp hữu ích trong việc phát huy tinh thần cộng tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa các sinh viên. Không những vậy, giảng dạy theo nhóm còn đem lại cơ hội được tiếp cận với các cách dạy khác nhau cho học sinh bởi mỗi người dạy sẽ có một phong cách giảng dạy, một lượng kiến thức truyền đạt đến cho học sinh khác nhau.

vii) Mỗi bài học nên có tối đa 02 sinh viên hoặc 01 sinh viên và 01 giáo viên hướng dẫn cùng hợp tác để tập giảng các nội dung trong bài học;

viii) Trong quá trình tập giảng, sinh viên và giáo viên giảng dạy minh họa thay nhau hoặc phối kết hợp tổ chức bài học. Sự phối kết hợp có thể đến từ việc một người thuyết trình và một người bên dưới hỗ trợ học sinh ghi chép, thực hiện các nhiệm vụ và đổi ngược lại hoặc một người giảng dạy chính một bài học cụ thể trên lớp, một người còn lại tiến hành hỗ trợ kiến thức bài học đó sau giờ học chính cho các học sinh có nhu cầu, hai người phiên thay đổi giữa công tác giảng dạy chính cho học sinh cả lớp và học sinh trong các nhóm nhỏ.



Hình 3. Sáu mô hình triển khai giảng dạy theo nhóm trong Cộng đồng học tập chuyên môn.

Bước 5: phân hồi, phân tích và cải tiến bài học.

i) Nhóm sinh viên sẽ họp để ghi nhận kết quả nhận xét, đánh giá, góp ý từ các thành viên quan sát, tập trung thảo luận vào một số nội dung sau: học sinh đã hứng thú với bài học hay chưa? Học sinh đã gặp khó khăn gì với bài học này? Hành vi, thái độ và phản ứng của học sinh trong giờ học Nội dung và phương pháp giảng dạy trong giáo án có phù hợp với đối tượng học sinh đã giảng dạy hay không? Kết quả học tập của học sinh có được cải thiện hay chưa? Cần điều chỉnh những nội dung nào trong kế hoạch giảng dạy và điều chỉnh như thế nào?

ii) Các thành viên nhận xét, góp ý dựa trên tinh thần xây dựng, lắng nghe, không thể hiện thái độ chỉ trích, chỉ chiết hoặc đìm thành viên xuống. Chủ động đưa ra các giải pháp mang tính thực tiễn để giải quyết vấn đề mà thành viên vừa thực hiện giảng dạy minh họa gặp phải;

iii) Tập trung vào phân tích phản ứng và thái độ học tập của học sinh để tiến hành phân tích, dự đoán các hành động của học sinh nếu thay đổi kế hoạch giảng dạy;

iv) Tiến hành điều chỉnh, cải thiện kế hoạch giảng dạy dựa trên các ý kiến đóng góp và bổ sung.

- Bước 6: vận dụng kết quả tập giảng và phản hồi từ các thành viên.

Dựa trên kết quả phân tích bài học và những điều đã quan sát, học tập được qua dự giờ, các sinh viên chủ động, sáng tạo áp dụng vào tiết tập giảng tiếp theo.

3.3. Biện pháp hướng dẫn tập lập hồ sơ giảng dạy

Mục tiêu:

Hồ sơ giảng dạy bao gồm một tập hợp các tài liệu phản ánh về năng lực giảng dạy của một nhà giáo. Hơn nữa, hồ sơ này thể hiện được những nỗ lực, sự tiến bộ và những thành tựu trong giảng dạy của một giáo viên. Do vậy, tạo lập hồ sơ giảng dạy có ý nghĩa rất lớn không chỉ với các giáo viên mà còn với mỗi sinh viên sư phạm trong quá trình tìm kiếm việc làm trong tương lai và chứng minh năng lực nghề nghiệp của bản thân với các nhà tuyển dụng.

Hoạt động tạo lập hồ sơ giảng dạy ghi lại kết quả hoạt động giảng dạy, giám sát sự phát triển về kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, phát hiện những khác biệt và nâng cao năng lực tự chịu trách nhiệm của sinh viên trong quá trình rèn nghề sư phạm. Với quá trình suy ngẫm, sinh viên sư phạm sử dụng hồ sơ giảng dạy như một phương tiện để tái hiện lại quá trình giảng dạy của mình, đánh giá bản thân và rút ra bài học, từ đó cải thiện năng lực nghề nghiệp cá nhân. Trong quá trình đánh giá hiệu quả giảng dạy và năng lực chuyên môn, ban giám hiệu, giảng viên có thể sử dụng hồ sơ giảng dạy để đánh giá quá trình rèn nghề của sinh viên.

Nội dung: các giảng viên định hướng cho sinh viên tư duy thiết kế, trình bày hồ sơ giảng dạy mang dấu ấn cá nhân. Đồng thời, giảng viên hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên lên các ý tưởng, sắp xếp bố cục các nội dung trong hồ sơ giảng dạy. Các sinh viên có thể hỗ trợ nhau trong việc thiết kế như phối màu, sử dụng hình ảnh minh họa, lựa chọn phông chữ,...

Cấu trúc của hồ sơ giảng dạy:

- Thông tin cá nhân: họ và tên, đơn vị công tác, bộ môn giảng dạy, hướng giảng dạy chính. Trong hồ sơ giảng dạy có thể bao gồm sơ yếu lý lịch của sinh viên.

- Mục tiêu và triết lý giáo dục. Ngắn gọn (khoảng 0.5 - 1 trang), tuyên bố này là nền tảng để xây dựng hồ sơ giảng dạy. Các quan điểm như:

+ Sinh viên muốn trở thành một người giáo viên như thế nào?

+ Các đối tượng học sinh mà sinh viên muốn giảng dạy sau khi ra trường?

+ Quan điểm của bản thân về học thuật và giáo dục?

+ Mục tiêu nghề nghiệp: mục tiêu làm việc trong giảng dạy nói riêng và trong ngành giáo dục nói chung của bản thân trong vòng từ 5 đến 10 năm tới.

- Chiến lược và phương pháp: mô tả các chiến lược và phương pháp giáo dục phù hợp với bộ môn mình sẽ đảm nhiệm trong tương lai.

- Kinh nghiệm giảng dạy. Phần này cung cấp bối cảnh cho những điểm chính trong quá trình học tập và giảng dạy của sinh viên. Tại đây, sinh viên tóm tắt quá trình đào tạo cơ bản của bản thân, các khóa học đã tham gia, các dự án học tập bên ngoài lớp học, các kỹ năng mình đang có và thành tích học tập cũng như giảng dạy liên quan.

- Các chứng chỉ, bằng cấp và sản phẩm giáo dục: các sản phẩm trong quá trình học tập và làm việc của sinh viên. Sinh viên nên lựa chọn các sản phẩm thể hiện được kiến thức chuyên môn và năng lực giảng dạy của bản thân. Tập chung mô tả các sản phẩm theo trình tự phát triển của bản thân, thể hiện rõ sự cải tiến và thay đổi trong quá trình học tập và giảng dạy.

Ví dụ, hồ sơ danh mục các giáo án giảng dạy theo các chủ đề, dự án đã giảng dạy trong quá trình TTSP tại các trường phổ thông.

* Các bước thực hiện:

- Bước 1: phác thảo những suy nghĩ về việc giảng dạy (triết lý, mục tiêu, chiến lược giảng dạy, phương pháp giảng dạy ưa thích, các sản phẩm trong các dự án giảng dạy, tập huấn) và nó liên quan như thế nào đến quá trình học tập và rèn nghề của bản thân.

- Bước 2: chọn hình thức thể hiện hồ sơ giảng dạy. Hồ sơ giảng dạy có được thể hiện dưới các hình thức sau:

i) Bản viết tay truyền thống;

ii) Trang điện tử cá nhân;

iii) Bản thiết kế điện tử;

iv) Bản in.

Sinh viên nên tham khảo và dựa vào đó để tạo ra cho mình một bộ hồ sơ giảng dạy đẹp mắt và ấn tượng. Đây là một số trang điện tử tham khảo như: Squarespace, Fabrik, Cargo,... cung cấp các ý tưởng và công cụ làm hồ sơ giảng dạy ấn tượng.

- Bước 3: thu thập dữ liệu của bản thân.

i) Khi thu thập và sắp xếp tài liệu cho hồ sơ giảng dạy của mình, sinh viên cần hiểu rõ về những gì muốn đưa vào và những dữ liệu đó thể hiện năng lực gì của bản thân;

ii) Đề hồ sơ giảng dạy trở nên sinh động và thu hút hơn, sinh viên nên chọn lọc kỹ những nội dung đắt giá nhất. Không nên đưa tất cả thông tin chi tiết lên giao diện chính của hồ sơ giảng dạy. Một chiếc hồ sơ giảng dạy ấn tượng và chuyên nghiệp chỉ cần thể hiện những bức ảnh đẹp cùng vài dòng tiêu đề chính ngắn gọn, súc tích là đủ;

iii) Đưa vào hồ sơ giảng dạy những thông tin thể hiện điểm mạnh và lợi thế của bản thân. Và phải loại bỏ những sản phẩm, dự án mà sinh viên không tự tin để không tạo cảm giác chưa

đủ tốt. Sinh viên nên chọn những sản phẩm, dự án nào mà cảm thấy tự tin nhất để giúp hồ sơ giảng dạy chuyên nghiệp hơn;

iv) Thông thường, hồ sơ giảng dạy cần có khoảng 10 đến 20 sản phẩm, dự án khác nhau là hợp lý nhất. Không nên quá ít cũng như quá nhiều làm người xem mất đi sự tập trung vào những sản phẩm, dự án mà họ muốn xem nhất. Đặc biệt, sinh viên cũng không nên thêm những sản phẩm, dự án không có giá trị vào để đủ số lượng;

v) Sinh viên nên đưa các thông tin như quy trình thiết kế, mục tiêu, người tham gia các sản phẩm, dự án trong hồ sơ giảng dạy. Cũng nên đưa thêm các đánh giá và mức độ thành công của sản phẩm và dự án. Đừng quên những dẫn chứng bằng kết quả hình ảnh chân thực, số liệu, bài viết,... để tạo độ tin cậy cao.

- Bước 4: thiết lập khung cấu trúc của hồ sơ giảng dạy

- Bước 5: hoàn thiện hồ sơ giảng dạy

Sắp xếp các dữ liệu thu thập được theo trình tự thích hợp, chọn lọc các dữ liệu phù hợp với kiểu mẫu của hồ sơ giảng dạy.



Hình 4. Mẫu hồ sơ giảng dạy dành cho sinh viên “Sự phạm lịch sử”, “Sự phạm lịch sử và Địa lý”.

4. Kết quả nghiên cứu

Để kiểm nghiệm tính hiệu quả của các biện pháp xây dựng Cộng đồng học tập chuyên môn cho sinh viên ngành “Sự phạm lịch sử”, “Sự phạm lịch sử và Địa lý” tại Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, chúng tôi thực hiện một thử nghiệm nhỏ bằng cách thiết kế các hoạt động quan sát và dự giờ, tập giảng và hướng dẫn tạo lập hồ sơ giảng dạy cho các sinh viên trong Cộng đồng học tập chuyên môn. Sau khi kết thúc thời gian học tập trong Cộng đồng học tập chuyên môn, chúng tôi tiến hành

gửi đến cho sinh viên một phiếu hỏi trực tuyến để ghi nhận các phản hồi về tính hiệu quả và khả thi của các biện pháp được sử dụng trong Cộng đồng học tập chuyên môn.

Để đánh giá kết quả thử nghiệm, chúng tôi dựa vào 2 tiêu chí: về mặt định lượng (sau 05 tháng cho sinh viên học tập và hoạt động trong Cộng đồng học tập chuyên môn theo các nhóm nhỏ và trong một cộng đồng lớn, chúng tôi tiến hành kiểm tra tính hiệu quả của Cộng đồng học tập chuyên môn với sinh viên bằng phiếu thực nghiệm) và về mặt định tính (quan sát, đánh giá

quá trình học tập của sinh viên chủ yếu trên các mặt: tính tích cực, chủ động, tự giác, say mê trong học tập, hứng thú với việc tương tác, hợp tác với các thành viên, bầu không khí hào hứng, sôi nổi,...)

Tiến hành thử nghiệm, thu thập thông tin về quá trình thử nghiệm sư phạm thông qua phiếu đánh giá online xây dựng dựa trên thang đo Likert 5 mức độ: Mức độ 1 - Hoàn toàn không hài lòng, Mức độ 2 - Không hài lòng, Mức độ 3 - Trung lập, Mức độ 4 - Hài lòng, Mức độ 5 - Hoàn toàn hài lòng.

Công thức tính trung bình cộng: giá trị khoảng cách = $N/(\text{Maximum} - \text{Minimum})$.

Trong đó: $N = 58$

Maximum là biến ở mức lớn nhất

Minimum là biến ở mức nhỏ nhất.

Ý nghĩa các mức như sau:

1,00 - 1,80: rất không đồng ý/Rất không hài lòng/Rất không quan trọng,...

1,81 - 2,60: không đồng ý/Không hài lòng/Không quan trọng,...

2,61 - 3,40: không ý kiến/Trung bình,...

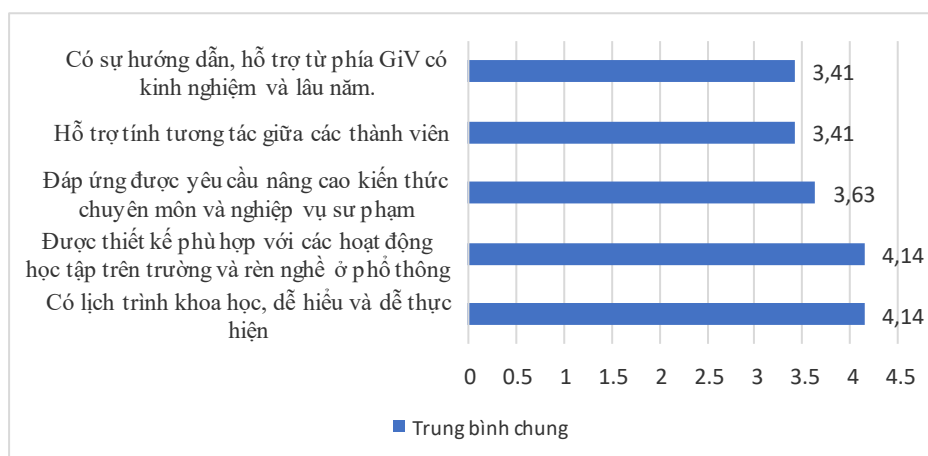
3,41 - 4,20: đồng ý/Hài lòng/Quan trọng,...

4,21 - 5,00: rất đồng ý/Rất hài lòng/Rất quan trọng,...

Kết quả thu được như Biểu đồ 1.

Nhìn chung, mức độ hài lòng của sinh viên đối với các nội dung học tập được đặt ra trong Cộng đồng học tập chuyên môn nằm ở mức từ trung bình đến hài lòng.

Thấp nhất là “Đáp ứng được yêu cầu nâng cao kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm” (TB = 3,63). Điều này được ghi nhận thông qua các phản hồi của một số sinh viên ngành Sư phạm lịch sử như sau: “*Các nội dung có liên quan đến các kiến thức từ cơ bản đến nâng cao của Lịch sử và các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy bộ môn Lịch sử. Tuy nhiên, các nội dung này chưa thực sự phù hợp với các hoạt động nhằm phát triển kỹ thuật giảng dạy trong tương lai như nội dung còn khá thiên về tính học thuật và chưa gắn với kiến thức lịch sử ở phổ thông*”.



Biểu đồ 1. Phân ánh mức độ hài lòng của sinh viên với các nội dung học tập trong Cộng đồng học tập chuyên môn.

Mức độ hài lòng ghi nhận con số khả quan ở mức TB = 4,14 ở hai nội dung bao gồm “Được thiết kế phù hợp với các hoạt động học tập trên trường và rèn nghề ở phổ thông” và “Có lịch trình khoa học, dễ hiểu và dễ thực hiện”. Điều này chứng tỏ, các nội dung học tập của Cộng đồng học tập chuyên môn luôn được

xem xét và thiết kế nhằm phù hợp với các nội dung học tập ở các trường phổ thông, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong việc vừa rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp ở trường vừa nâng cao năng lực nghề nghiệp một cách song song (Biểu đồ 2).

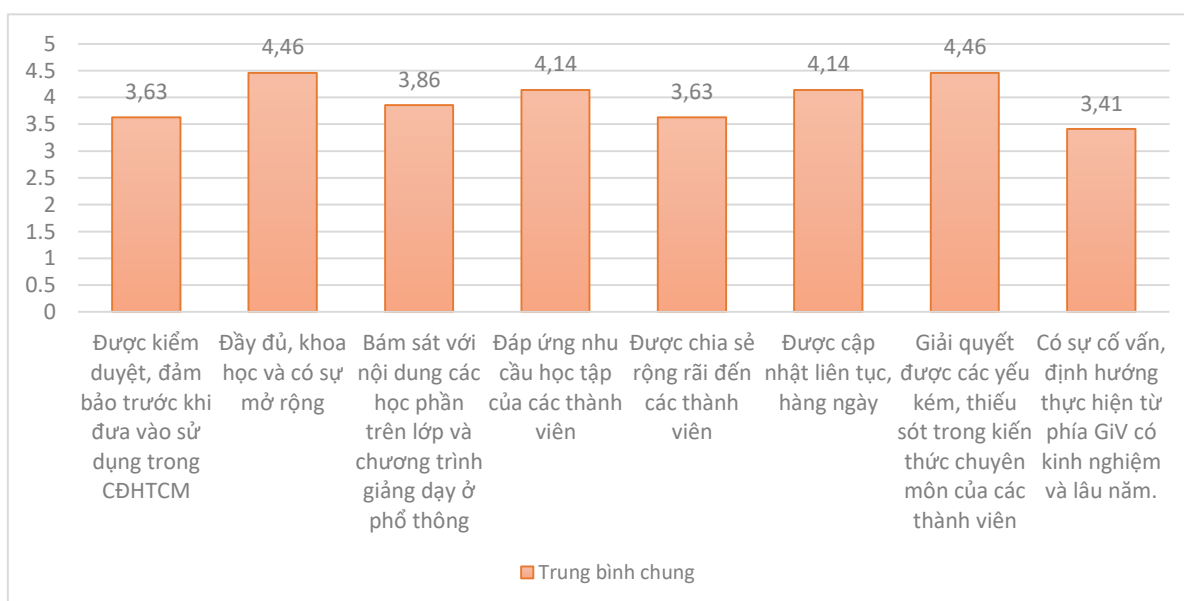
Mức độ hài lòng với các hoạt động học tập ghi nhận con số cao hơn so với các nội dung học tập. Các hoạt động học tập được đánh giá ở mức khá cao từ hài lòng đến rất hài lòng (TB = 3,63 đến 4,46). Đa số các sinh viên cho rằng các hoạt động đều “Đầy đủ, khoa học và có sự mở rộng” và “Giải quyết được các yếu kém, thiếu sót trong kiến thức chuyên môn của các thành viên” (TB= 4,46). Điều này cho thấy một thực tế rằng các hoạt động được đặt ra trong Cộng đồng học tập chuyên môn đều dựa trên nhu cầu học tập và phát triển nghề nghiệp của các cá nhân thành viên, các hoạt động phải nỗ lực cải thiện được các yếu kém trong giảng dạy của sinh viên sư phạm như chưa tự tin thuyết giảng, phong cách thuyết trình, trình bày bảng,... Ngoài ra, một hoạt động được sinh viên hài lòng mới mức đánh giá cao TB = 3,86 là “Bám sát với nội dung các học phần trên lớp và chương trình giảng dạy ở phổ thông”. Nhằm giúp sinh viên sư phạm không còn lúng túng với hệ thống các kiến thức trọng tâm ở trường phổ thông khi tham gia giảng dạy trong tương lai, các Cộng đồng học tập chuyên môn phải gắn kết với các nội dung giảng dạy thực tế và đưa vào bồi dưỡng, rèn luyện cho sinh viên liên tục và thường xuyên. Điều đó giúp các ứng viên giáo viên luôn nhạy bén, bắt kịp các xu hướng và kiến thức giảng dạy mới ở phổ thông, đáp ứng các điều kiện giảng dạy thực tiễn chứ mang tính nghiên cứu xuông.

Kết quả dưới đây phản ánh một thực tế, Cộng đồng học tập chuyên môn là một môi trường để các sinh viên sư phạm được học tập, rèn luyện dưới sự hướng dẫn có tổ chức từ các giảng viên, giáo viên có chuyên môn và nghiệp vụ với trình độ cao hơn.

Đây cũng coi như là một “mô hình đào tạo giáo viên dự bị thu nhỏ”, để các sinh viên ngoài được học từ giảng viên, đồng nghiệp có chuyên môn, họ được thực tập, kiên tập sư phạm có nhận xét, phản hồi; được ghi nhận các kết quả rèn nghề của mình. Đối với đối tượng là sinh

viên tại các cơ sở giáo dục đào tạo giáo viên, Cộng đồng học tập chuyên môn càng đóng vai trò quan trọng hơn nữa trong việc tạo ra cho họ một môi trường học thuật liên tục và bền vững, là cơ sở cho những tiếp cận và học tập chuyên môn của họ ở các trường phổ thông sau này. Môi trường học tập chuyên nghiệp này cung cấp cho các ứng viên giáo viên kho tư liệu giảng dạy phong phú từ các thành viên cùng ngành, tiếp cận với các thông tin liên quan một cách dễ dàng và khoa học, tăng cường khả năng làm việc cộng tác và văn hóa học tập chuyên nghiệp trong các trường đại học.

Cộng đồng học tập chuyên môn đã chú trọng giải quyết thực tiễn, đặc biệt là các vấn đề mà sinh viên sư phạm và giáo viên đều gặp phải. Cộng đồng học tập chuyên môn được thành lập dựa trên nhu cầu học tập của các thành viên. Vì vậy, các vấn đề mà sinh viên sư phạm và giáo viên gặp phải trên lớp học cần phải được hỗ trợ và giải quyết hàng đầu. Khi tham gia vào Cộng đồng học tập chuyên môn, sinh viên sẽ được hỗ trợ tư vấn giải quyết các khó khăn mình đang gặp phải như: phương pháp giảng dạy không phù hợp với lớp học, học sinh không theo kịp bài giảng của giáo viên, sinh viên không đủ thời gian sát sao đến từng học viên,... Cộng đồng học tập chuyên môn luôn có một tổ các giảng viên có kinh nghiệm lâu năm, chuyên môn vững vàng, cùng đồng hành, giúp đỡ và đề xuất các biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề một cách triệt để nhất. Do vậy, Cộng đồng học tập chuyên môn chính là môi trường để các trường đại học thực hiện các chính sách phát triển năng lực có tổ chức cho các ứng viên giáo viên tương lai. Lý thuyết dạy và học được đưa vào các Cộng đồng học tập chuyên môn thông qua các chính sách xây dựng và phát triển trường học, thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận, mô phỏng giảng dạy của các thành viên trong Cộng đồng học tập chuyên môn, sinh viên biến các lý thuyết đó thành các hành động thực tế trên lớp và đạt được hiệu quả giảng dạy.



Biểu đồ 2. Phản ánh mức độ hài lòng của sinh viên với các hoạt động học tập trong Cộng đồng học tập chuyên môn.

5. Kết luận

Tóm lại, việc xây dựng và phát triển một Cộng đồng học tập chuyên môn dành cho sinh viên “*Sư phạm Lịch sử*”, “*Sư phạm Lịch sử và Địa lý*” thông qua các hoạt động rèn nghề bước đầu đã tạo nên những tín hiệu tích cực trong việc nâng cao kiến thức và bồi dưỡng nghiệp vụ cho họ. Các biện pháp được nêu trên dựa trên các hoạt động rèn nghề với sự sắp xếp mang tính khoa học và phù hợp với một cộng đồng học tập và làm việc mang tính chuyên môn cao. Các biện pháp như dự giờ quan sát, tập giảng hay tạo lập hồ sơ giảng dạy đều góp phần giúp các ứng viên giáo viên rèn luyện các kỹ năng mô phạm thông qua quá trình làm việc hợp tác, chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau trong Cộng đồng học tập chuyên môn.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Giáo dục qua đề tài “*Phát triển cộng đồng học tập chuyên môn cho sinh viên “Sư phạm lịch sử”, “Sư phạm Lịch sử và Địa lý”*”

tại Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số QS.23.12.

Tài liệu tham khảo

- [1] D. N. Linh, P. T. T. Hai, Building Professional Learning Communities in High Schools in the Context of Implementing the 2018 General Education Program, *Journal of Education*, Vol. 22, No. 6, 2022, pp. 31-35.
<https://tegd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/372/166/>, 2022 (accessed on: May 15th, 2020) (in Vietnamese).
- [2] S. M. Hord, *Professional Learning Communities: What are They are and Why are They Important? Issues About Change*, Austin, TX: Southwest Educational Development Laboratory, Vol. 6, No. 1, 1997, pp. 1-8.
- [3] L. B. Resnick, Nested Learning Systems for the Thinking Curriculum, *Educational Researcher* Vol. 39, No. 3, 2010, pp. 183-197.
- [4] L. Stoll, K. L. Seashore (eds), *Professional Learning Communities*, Maidenhead: Open University Press, 2007.
- [5] A. Harris, J. Chrispeels (eds), *International Perspectives on School Improvement*, London: Routledge, 2008.

- [6] A. Harris, M. Jones, Professional Learning Communities and System Improvement, *Improving Schools*, Vol. 13, No. 2, 2010, pp. 172-181, <https://doi.org/10.1177/1365480210376>.
- [7] K. Leithwood, L. Leonard, L. Sharratt, Conditions Fostering Organizational Learning in Schools, Paper Presented at the Annual Meeting of the International Congress on School Effectiveness and Improvement, Memphis, TN, 1997.
- [8] L. P. Thuy, N. D. Nguyen, T. D. Minh, Current Status and Proposed Measures to Train Internship Skills for Pre-service Students at the University of Education - Vietnam National University, Hanoi, *Journal of Education*, Vol. 23, No. 2, 2023, pp. 47-50, <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/632/>, 2023 (accessed on: May 15th, 2020) (in Vietnamese).
- [9] T. Q. Lap, L. Kevin, Develop Professional Competence Through Building a Learning Community, *Reference*, Vol. 19, 2010, pp. 130-139 (in Vietnamese).